

DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 2 - Năm Học 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT, ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1. Lớp: DA2266A2								
1	B2202303	Trần Quốc Toàn	13	95	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							9.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.144.000 đồng								
2. Lớp: NN2208A1								
1	B2200092	Lê Quỳnh Như	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200105	Mã Như Quỳnh	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200127	Nguyễn Bá Tùng	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2200133	Lê Thị Tường Vy	12	99	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng								
3. Lớp: NN2208A2								
1	B2200149	Nguyễn Thành Duy	14	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200176	Nguyễn Văn Nhanh	12	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200203	Phan Thị Anh Thư	13	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2200213	Đào Phương Trúc	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2200221	Lê Ngọc Thuý Vy	13	97	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 49.462.400 đồng								
4. Lớp: NN22U5A1								
1	B2205185	Nguyễn Hoàng Kha	15	95	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205191	Thái Thị Kim Ngân	13	98	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
5. Lớp: DI2295A1								
1	B2203431	Nguyễn Ngọc Chiến	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203445	Trương Thị Dạ Hương	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203448	Nguyễn Quốc Khanh	15	95	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2203482	Lê Minh Trung	12	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
6. Lớp: DI2296A1								
1	B2203523	Châu Trọng Phúc	17	100	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203532	Đinh Văn Thuận	12	100	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
7. Lớp: DI22D1A1								
1	B2203606	Phan Gia Hân	12	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2203617	Võ Thị Xuân Mai	12	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2203635	Huỳnh Đăng Thi	12	97	4	Xuất sắc	9.240.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
4	B2203641	Nguyễn Quỳnh Trâm	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng								
8. Lớp: DI22D1A2								
1	B2203654	Bùi Thị Thảo Duy	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2203693	Nguyễn Ngọc Thùy Tra	12	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2203697	Nguyễn Cao Kiến Trúc	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
9. Lớp: DI22D2A1								
1	B2203708	Phan Thanh Bình	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203710	Huỳnh Tấn Danh	13	96	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203742	Nguyễn Minh Tín	12	96	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
10. Lớp: DI22T9A1								
1	B2204965	Trương Văn Quy	12	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204974	Võ Thị Bảo Trân	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204976	Nguyễn Lâm Trường	12	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2205959	Trần Thị Phương Thảo	13	97	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
11. Lớp: DI22V7A1								
1	B2205912	Nguyễn Hùng Thịnh	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205913	Tăng Trần Gia Thịnh	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205918	Trần Nguyễn Nhựt Trư	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
12. Lớp: DI22Z6A1								
1	B2207512	Thái Phú An	12	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207530	Lý Trí Khải	15	90	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207550	Trần Hải Nhân	18	93	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207555	Huỳnh Thanh Phong	15	90	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
13. Lớp: HG22V7A1								
1	B2205935	Lê Ngọc Đức	16	93	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205947	Đặng Nhớ Mãi	15	90	3.6	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
14. Lớp: FL22V1F1								
1	B2205560	Lê Nguyễn Yến Vy	14	90	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng								
15. Lớp: FL22V1F2								
1	B2205565	Trần Khánh Băng	12	89	4	Giỏi	11.220.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.732.000 đồng								
16. Lớp: FL22V1F3								
1	B2205606	Phan Thị Kiều My	17	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.968.000 đồng								
17. Lớp: FL22V1A1								
1	B2205446	Ngô Mỹ Kim	14	96	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205464	Huỳnh Văn Quý	17	98	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
18. Lớp: FL22X1A1								
1	B2206832	Lê Ngọc Hà Giang	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	S2200012	Trần Thị Huỳnh Hoa	17	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.128.000 đồng								
19. Lớp: FL22X1A2								
1	B2206897	Đỗ Ngọc Thanh Thúy	15	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2206903	Nguyễn Hữu Trọng	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.121.600 đồng								
20. Lớp: FL22X2A1								
1	B2206921	Trương Thái Sơn	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.541.600 đồng								
21. Lớp: FL22Z8A1								
1	B2205405	Huỳnh Khánh Lâm	16	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205415	Nguyễn Huỳnh Khánh N	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2205437	Cao Lưu Thế Bảo	15	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.312.000 đồng								
22. Lớp: FL22Z9A1								
1	B2207611	Lương Ngọc Hà Phương	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207617	Nguyễn Huỳnh Ngọc T	13	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
23. Lớp: FL23V1L1								
1	C2300120	Lâm Gia Tuyền	15	67	3.64	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 3.696.000 đồng								
24. Lớp: HG22U7A1								
1	B2205269	Nguyễn Thị Huyền Trâm	13	75	3.04	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.651.200 đồng								
25. Lớp: HG22U7A2								
1	B2205319	Nguyễn Thị Ngọc Thươ	12	67	3.42	Khá	7.540.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.651.200 đồng								
26. Lớp: KH2269A1								
1	B2202552	Tăng Bảo Phúc	12	90	4	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2202553	Lê Ngọc Quang	12	92	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng								
27. Lớp: KH2269A2								
1	B2202575	Nguyễn Thị Bảo Gấm	15	100	3.53	Giỏi	8.160.000	
2	B2202601	Nguyễn Thị Lệ Thanh	12	91	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng								
28. Lớp: KH2289A2								
1	B2203285	Nguyễn Thị Ngọc Trân	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.428.800 đồng								
29. Lớp: KH2294A1								
1	B2203407	Lê Yến Nhi	13	82	3.69	Giỏi	8.160.000	
2	B2203416	Kha Ngọc Bảo Thư	12	93	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.128.000 đồng								
30. Lớp: KH22D3A1								
1	B2203770	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	20	88	3.93	Giỏi	9.050.000	
2	B2203799	Võ Ngọc Như Ý	17	86	3.65	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng								
31. Lớp: KH22D3A2								
1	B2203821	Nguyễn Thị Thanh Ngà	17	82	3.91	Giỏi	9.050.000	
2	B2203842	Trần Ngọc Quế Trân	13	89	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
32. Lớp: KH22T3A1								
1	B2204308	Phan Hữu Nghĩa	13	94	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204327	Nguyễn Ngọc Thanh Tr	13	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
33. Lớp: KH22T3A2								
1	B2204365	Huỳnh Anh Thắng	15	73	3.83	Khá	7.540.000	
2	B2207474	Nguyễn Trung Kiên	12	90	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							16.590.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
34. Lớp: KH22U1A1								
1	B2205013	Tô Võ Hoài Phong	12	96	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205025	Lê Trần Ngọc Trâm	13	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
35. Lớp: HG2223A1								
1	B2201371	Ngô Phúc Lợi	19	87	2.95	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.444.800 đồng								
36. Lớp: KT2220A1								
1	B2200765	Mã Hiệp	13	99	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.560.000 đồng								
37. Lớp: KT2221A1								
1	B2200869	Võ Thanh Nhi	12	76	3.33	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.504.000 đồng								
38. Lớp: KT2222A1								
1	B2201025	Lê Bảo Tín	12	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.032.000 đồng								
39. Lớp: KT2222A2								
1	B2201043	Võ Thị Giàu	12	90	3.5	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.392.000 đồng								
40. Lớp: KT2223A1								
1	B2201244	Trần Ánh Linh	13	90	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2201282	Trần Tú Uyên	12	88	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
41. Lớp: KT2223A2								
1	B2201288	Lê Trần Mỹ Anh	12	78	3.58	Khá	7.540.000	
2	B2201318	Phạm Quốc Minh	13	85	3.62	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							16.590.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng								
42. Lớp: KT2245A1								
1	B2201953	Đặng Quỳnh Ngân	12	86	4	Giỏi	7.920.000	
2	B2201972	Lâm Mỹ Phụng	12	89	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.840.000 đồng								
43. Lớp: KT2290A1								
1	B2203296	La Nguyễn Bảo Chiêu	12	65	3.08	Khá	6.600.000	
2	B2203335	Lý Phi Yến	13	65	2.92	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							13.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.672.000 đồng								
44. Lớp: KT2290A2								
1	B2203346	Nguyễn Ngọc Mai	13	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2203350	Tiêu Huỳnh Kim Ngân	13	90	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng								
45. Lớp: KT22V5A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2205673	Nguyễn Thị Trúc Phươ	12	88	3.88	Giỏi	7.920.000	
2	B2205680	Ngô Nguyễn Anh Thu	13	82	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
46. Lớp: KT22W1A2								
1	B2206210	Dương Bảo Trâm	13	67	3.58	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.504.000 đồng								
47. Lớp: KT22W2A1								
1	B2206237	Nguyễn Hoài Nhon	13	85	3.92	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.088.000 đồng								
48. Lớp: KT22W2A2								
1	B2206281	Phan Đặng Minh Thu	14	90	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.976.000 đồng								
49. Lớp: KT22W3A1								
1	B2206386	Đặng Anh Thu	12	69	3.63	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.864.000 đồng								
50. Lớp: KT22W3A2								
1	B2207635	Đỗ Chí Hiếu	15	65	3.33	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.808.000 đồng								
51. Lớp: KT22W4A1								
1	B2206453	Nguyễn Tấn Hưng	16	80	3.69	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.280.000 đồng								
52. Lớp: KT22W4A2								
1	B2204197	Lê Trần Minh Phát	13	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.752.000 đồng								
53. Lớp: KT2322L1								
1	S2300042	Nguyễn Lê Phương	12	65	3.25	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.752.000 đồng								
54. Lớp: HG2263A1								
1	B2201782	Huỳnh Văn Đoàn	12	100	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.504.000 đồng								
55. Lớp: LK2263A1								
1	B2201707	Nguyễn Tường Duy	12	94	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.144.000 đồng								
56. Lớp: LK2264A1								
1	B2201668	Châu Tâm Như	13	86	4	Giỏi	7.920.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2201689	Huỳnh Diễm Trinh	12	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
57. Lớp: LK2265A1								
1	B2201747	Nguyễn Trọng Tài	12	90	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.144.000 đồng								
58. Lớp: MT2225A1								
1	B2201406	Ngô Thị Vân Anh	12	91	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201457	Lê Thị Như Quỳnh	16	100	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201462	Đặng Phước Thảo	12	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2201470	Lý Thị Hồng Trâm	12	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng								
59. Lớp: MT2225A2								
1	B2201510	Châu Nhật Linh	14	100	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201511	Trương Thị Thùy Linh	13	98	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201513	Trần Thị Kim Ly	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2201543	Nguyễn Cẩm Tiên	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng								
60. Lớp: MT2238A1								
1	B2201859	Nguyễn Minh Thức	13	98	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2201862	Trần Thị Mỹ Trân	13	98	3.69	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.216.000 đồng								
61. Lớp: MT2238A2								
1	B2201898	Trần Hữu Tài	13	81	3.69	Giỏi	8.160.000	
2	B2201902	Phạm Minh Thuận	15	96	3.53	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
62. Lớp: MT2257A1								
1	B2202166	Phạm Thị Tuyết Hương	13	81	3.75	Giỏi	9.050.000	
2	B2202202	Trần Nguyễn Phương T	12	89	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2202203	Nguyễn Thị Thanh Thù	13	89	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
63. Lớp: MT22D4A1								
1	B2203871	Lê Thị Kim Mai	12	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng								
64. Lớp: MT22X7A2								
1	B2207155	Bùi Thị Bảo Anh	12	95	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207192	Lê Khả Thi	12	90	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
65. Lớp: NN2219A1								
1	B2200697	Châu Thị Ngọc Hà	12	82	3.83	Giỏi	9.050.000	
2	B2200707	Nguyễn Hữu Nghĩa	14	80	3.57	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
66. Lớp: NN2219A2								
1	B2200730	Phan Văn Hào	14	86	3.79	Giỏi	9.050.000	
2	B2200734	Dương Hoàng Khương	14	88	3.71	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
67. Lớp: NN2267A1								
1	B2202404	Vũ Nguyễn Khánh Linh	12	94	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202426	Nguyễn Chí Tài	12	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202436	Nguyễn Huỳnh Thủy Tiên	13	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2202441	Nguyễn Thị Diễm Trang	13	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng								
68. Lớp: NN2267A2								
1	B2202459	Nguyễn Mai Kim Chi	12	96	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202484	Bùi Trần Ngọc Mỹ	13	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202492	Trương Thị Cẩm Nhung	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2202500	Dương Đăng Quy	12	96	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
69. Lớp: NN2273A1								
1	B2202718	Lê Tấn Đước	19	95	3.84	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202729	Lê Minh	19	93	3.84	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
70. Lớp: NN2273A2								
1	B2202779	Hồ Huỳnh Phi Long	13	67	3.46	Khá	7.540.000	
2	B2202800	Huỳnh Minh Tiến	14	72	3.5	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
71. Lớp: NN22S1A1								
1	B2203993	Hồ Thị Ngọc Nhân	12	81	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.048.000 đồng								
72. Lớp: NN22S1A2								
1	B2204016	Trần Lê Bảo Anh	18	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng								
73. Lớp: NN22S4A1								
1	B2202643	Trần Nguyễn An Niên	17	81	3.41	Giỏi	9.050.000	
2	B2202647	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	12	96	3.25	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								
74. Lớp: NN22S4A2								
1	B2202690	Nguyễn Mạnh Phát	18	67	3.42	Khá	7.540.000	
2	B2202703	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâ	13	67	3.58	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng								
75. Lớp: NN22S6A1								
1	B2207245	Phạm Thị Bích Trân	12	88	3.17	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng								
76. Lớp: NN22V8A1								
1	B2206028	Cao Tòng Bá	12	97	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2206034	Nguyễn Tấn Đạt	12	92	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2206039	Lê Thị Thúy Hằng	14	90	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.024.000 đồng								
77. Lớp: NN22X8A1								
1	B2207248	Lê Đào Phương Uyên	12	85	3.25	Giỏi	9.050.000	
2	B2207283	Nguyễn Thành Quý	12	77	3.08	Khá	7.540.000	
3	B2207297	Nguyễn Lê Thế Vinh	12	79	3.42	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							24.130.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
78. Lớp: NN22X9A1								
1	B2207319	Nguyễn Thanh Nhân	17	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207332	Trần Thanh Trúc	17	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.889.600 đồng								
79. Lớp: NN22X9A2								
1	B2207363	Trương Lê Yến Thi	17	84	3.44	Giỏi	9.050.000	
2	B2207374	Đoàn Nhật Yến	17	81	3.74	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.889.600 đồng								
80. Lớp: SP2201A1								
1	B2200001	Trần Lê Văn Anh	12	94	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200027	Trần Bình Thuận	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng								
81. Lớp: SP2202A1								
1	B2200037	Lê Hồ Nhật Huy	13	91	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
82. Lớp: SP2209A1								
1	B2200287	Lương Hồng Huy	12	98	3.75	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
83. Lớp: SP2210A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2200306	Trần Thị Ngọc Linh	12	98	3.5	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							7.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.038.400 đồng								
84. Lớp: SP2216A1								
1	B2200594	Nguyễn Sĩ Quỳnh Hươn	13	90	3.46	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							7.550.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.044.800 đồng								
85. Lớp: SP2217A1								
1	B2200637	Dương Thị Khả Vân	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200638	Dương Khánh Vy	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng								
86. Lớp: SP2217A2								
1	B2200642	Nguyễn Huỳnh Kim Ch	12	91	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200647	Trịnh Ngọc Hân	12	93	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.089.600 đồng								
87. Lớp: SP2218A1								
1	B2200672	Dương Hoàng Duy	12	98	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
88. Lớp: SP22U8A1								
1	B2205334	Phan Kiều Diễm	12	92	3.54	Giỏi	7.550.000	
2	B2205350	Phan Văn Kha	14	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2205385	Huỳnh Hoàng Tuấn	13	97	3.27	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							23.910.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng								
89. Lớp: SP22X3A1								
1	B2206935	Nguyễn Hương Giang	15	74	3.73	Khá	6.290.000	
2	B2206937	Châu Gia Huy	13	87	3.54	Giỏi	7.550.000	
3	B2206954	Kim Thị Oanh	13	72	3.58	Khá	6.290.000	
Cộng lớp:							20.130.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng								
90. Lớp: SP22X3A2								
1	B2206976	Trương Hồng Đào	13	99	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2206996	Nguyễn Ngọc Như Phúc	12	99	3.9	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng								
91. Lớp: TD22X6A1								
1	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	13	91	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2207099	Nguyễn Nhã Trân	12	100	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng								
92. Lớp: TN2283A1								
1	B2203145	Nguyễn Hữu Trung Nh	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203149	Trần Thanh Quý	18	95	3.83	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
93. Lớp: TN2283A2								
1	B2203164	Nguyễn Đặng Mỹ Anh	18	85	3.92	Giỏi	9.050.000	
2	B2203179	Võ Huỳnh Mai	12	97	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
94. Lớp: TN2284A1								
1	B2202043	Mai Thanh Nguyên	13	92	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng								
95. Lớp: TN22D5A1								
1	B2203916	Lê Minh Thiên	16	82	3.59	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.032.000 đồng								
96. Lớp: TN22D5A2								
1	B2203936	Bùi Nguyễn Gia Hân	13	82	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.048.000 đồng								
97. Lớp: TN22S3A1								
1	B2204158	Nguyễn Gia Đạt	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204162	Nguyễn Thanh Hải	12	81	3.79	Giỏi	9.050.000	
3	B2204177	Dương Tuấn Khải	14	89	3.79	Giỏi	9.050.000	
4	B2204200	Trương Đặng Minh Quốc	14	97	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
98. Lớp: TN22S5A1								
1	B2202037	Trần Vũ Luân	14	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202044	Nguyễn Quốc Nguyên	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202046	Bùi Hữu Nhân	12	100	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
99. Lớp: TN22S5A2								
1	B2202076	Mai Thị Vân Anh	13	96	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202099	Nguyễn Hoàng Huy	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202144	Trần Hoài Trân	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
100. Lớp: TN22T1A1								
1	B2204243	Chanh Phước Khang	12	84	3.63	Giỏi	9.050.000	
2	B2204262	Hồ Phan Nhật Phi	12	84	3.79	Giỏi	9.050.000	
3	B2204272	Nguyễn Phú Thành	12	85	3.92	Giỏi	9.050.000	
4	B2204275	Nguyễn Văn Tiền	14	83	3.64	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
101. Lớp: TN22T4A1								

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2204393	Nguyễn Võ Thái Liêm	14	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204406	Huỳnh Đăng Minh Thiệ	14	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng								
102. Lớp: TN22T5A1								
1	B2204418	Võ Hoài An	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204458	Trương Hiếu Nghĩa	12	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204478	Trương Đức Tín	12	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
103. Lớp: TN22T6A1								
1	B2204543	Phạm Huỳnh Khánh Du	12	94	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204557	Phan Di Hòa	16	95	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204607	Trần Thị Kim Tươi	13	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207135	Dương Quốc Phong	12	95	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
104. Lớp: TN22T7A1								
1	B2204627	Nguyễn Ngọc Điệp	12	97	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204641	Nguyễn Minh Khang	14	97	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204651	Nguyễn Thị Trà My	12	90	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
105. Lớp: TN22T7A2								
1	B2204702	Phan Văn Tài Em	13	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204703	Huỳnh Văn Giàu	15	92	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204716	Phạm Minh Khang	12	82	3.75	Giỏi	9.050.000	
4	B2204751	Nguyễn Minh Thức	15	86	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
106. Lớp: TN22T8A1								
1	B2204862	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	14	95	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204877	Lê Tấn Lộc	14	95	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204879	Nguyễn Thành Luân	14	89	3.71	Giỏi	9.050.000	
4	B2204885	Lê Chí Nguyên	17	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
107. Lớp: TN22V6A1								
1	B2205729	Châu Thị Mỹ Nguyên	13	95	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205731	Danh Minh Nhật	12	94	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205743	Trần Thị Nhã Thư	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
108. Lớp: TN22V6A2								
1	B2205758	Nguyễn Khánh Bằng	13	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205771	Võ Văn Khánh	20	100	4	Xuất sắc	10.560.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
109. Lớp: TN22Y8A1								
1	B2207389	Nguyễn Mạnh Đạt	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207394	Diệp Văn Hiền	12	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207439	Trần Kim Thuận	16	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207449	Nguyễn Phúc Vinh	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
110. Lớp: TN22Z5A1								
1	B2207494	Nguyễn Phước Sang	15	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207496	Trần Tuấn Tài	12	95	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207502	Võ Thị Anh Thư	13	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
111. Lớp: TS2213A1								
1	B2200335	Lê Quốc Kiệt	15	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200350	Đặng Uyên Phương	15	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200361	Trần Thị Kiều Trang	15	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2200367	Đoàn Thị Vui	15	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
112. Lớp: TS2213A2								
1	B2200373	Tô Công Bằng	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200397	Văn Tự Nguyễn	15	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
113. Lớp: TS2213A3								
1	B2200429	Đặng Châu Đơn	15	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200444	Nguyễn Thanh Lợi	19	98	3.95	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200474	Nguyễn Thị Thùy Yêm	17	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
114. Lớp: TS2213A4								
1	B2200492	Nguyễn Thị Yến Khoa	15	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200508	Võ Trọng Phúc	17	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
115. Lớp: TS2276A1								
1	B2202822	Nguyễn Nhật Huỳnh	13	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202856	Võ Quang Vinh	13	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
116. Lớp: TS2276A2								
1	B2202865	Hồ Minh Hiên	13	80	3.92	Giỏi	9.050.000	
2	B2202899	Trần Thị Ngọc Trâm	13	85	4	Giỏi	9.050.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
117. Lớp: TS2282A1								
1	B2203003	Nguyễn Hoàng Linh	12	95	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203028	Lê Huy Thế	12	90	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203033	Trần Thị Kiều Tiên	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
118. Lớp: TS2282A2								
1	B2203066	Nguyễn Nhật Huy	12	91	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203081	Hà Thảo Ngân	14	93	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203086	Phan Thị Mỹ Nguyên	14	94	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
119. Lớp: TS22S2A1								
1	B2204079	Nguyễn Hào Nam	20	86	3.28	Giỏi	9.050.000	
2	B2204099	Nguyễn Thị Tường Vi	17	85	3.68	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
120. Lớp: TS22S2A2								
1	B2204102	Lê Quốc Anh	15	83	3.67	Giỏi	9.050.000	
2	B2204144	Trần Nguyễn Như Ý	17	95	3.76	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								
121. Lớp: HG22W8A1								
1	B2206790	Nguyễn Quốc Khánh	14	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 4.752.000 đồng								
122. Lớp: ML22V9A1								
1	B2206091	Lê Anh Duy	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206129	Võ Lâm Tường Vi	19	98	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
123. Lớp: ML22X4A1								
1	B2207040	Nguyễn Hồng Ngọc	14	93	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2207056	Dương Huỳnh Trang	12	90	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2207066	Huỳnh Thảo Vy	15	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.650.400 đồng								
124. Lớp: XH2280A1								
1	B2202953	Nguyễn Dạ Thảo	12	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207632	Nguyễn Bảo Hân	15	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.784.000 đồng								
125. Lớp: XH22U4A2								
1	B2205168	Võ Thị Bích Trân	19	84	3.81	Giỏi	7.920.000	

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHCT. ngày 30 / 01 /2026)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.336.000 đồng								
126. Lớp: XH22W7A1								
1	B2206640	Huỳnh Trần Thanh Trúc	12	85	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.392.000 đồng								
127. Lớp: XH22W7A2								
1	B2206663	Nguyễn Thảo Nghi	13	96	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.392.000 đồng								
128. Lớp: XH22W8A1								
1	B2206712	Trần Bá Nhẫn	15	95	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							9.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.336.000 đồng								
129. Lớp: XH22W8A2								
1	B2206768	Lê Anh Tín	14	86	3.93	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							7.920.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.280.000 đồng								

ĐẠI HỌC CẦN THƠ